

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 168/2025/DS-PT

Ngày: 23-10-2025

V/v “yêu cầu chia thừa kế
theo pháp luật”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Thanh Huyền.

Các Thẩm phán: Ông Lê Văn Duy.

Ông Đặng Chí Công.

Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Quang Huy - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai: Bà Lê Thị Vân - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 23 tháng 10 năm 2025, tại Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 153/2025/TLPT-DS ngày 14 tháng 7 năm 2025 về “Yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 214/2025/DS-ST ngày 21 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 6 - Gia Lai) bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 149/2025/QĐ-PT ngày 04 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 252/2025/QĐ-PT ngày 24 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Ông Đỗ Văn T, sinh năm 1955; địa chỉ: Xóm D, thôn A, phường T, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

2. **Bị đơn:** Ông Đỗ L, sinh năm 1939; địa chỉ: Xóm D, thôn A, phường T, tỉnh Gia Lai.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Đỗ L: Anh Đỗ Văn T1, sinh năm 1985; địa chỉ: Xóm D, thôn A, phường T, tỉnh Gia Lai (Theo hợp đồng ủy quyền ngày 18-12-2023). Có mặt.

3. **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Bà Đỗ Thị C, sinh năm 1950; địa chỉ: Khu phố T, phường H, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- Bà Đỗ Thị H, sinh năm 1949; địa chỉ: Thôn M, phường H, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- Bà Đỗ Thị T2, sinh năm 1944; địa chỉ: Thôn T, phường T, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- Anh Đỗ Văn Q, sinh năm 1982; địa chỉ: Xóm D, thôn A, phường T, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

4. *Người kháng cáo*: Nguyên đơn là ông Đỗ Văn T.

5. *Viện kiểm sát kháng nghị*: Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định (Nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Gia Lai).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. *Nguyên đơn là ông Đỗ Văn T trình bày:*

Cha mẹ ông là cụ Đỗ X (sinh năm 1919, chết năm 1999) và cụ Lê Thị T3 (sinh năm 1922, chết năm 2007). Cha mẹ ông có 6 người con, gồm: Ông Đỗ L, bà Đỗ Thị T2, bà Đỗ Thị H, bà Đỗ Thị C, ông và bà Đỗ Thị T4 (đã chết lúc 4 tuổi).

Cha mẹ ông được nhà nước cân đối giao quyền sử dụng các thửa đất sau: Thửa đất số 738, tờ bản đồ số 11 (Bản đồ VN-2000), diện tích 2679m² (200m² đất ở và 2479m² đất trồng cây lâu năm); thửa đất số 1231, tờ bản đồ số 10 (bản đồ VN-2000), diện tích 447m² đất trồng lúa (Hiện đã được thu hồi làm đường cao tốc); thửa đất số 504, tờ bản đồ số 11 (bản đồ VN-2000), diện tích là 820m² đất trồng lúa cùng tọa lạc tại xã H.

Cha mẹ ông chết không để lại di chúc nhưng để lại di sản là quyền sử dụng các thửa đất, hiện còn hai thửa là thửa đất số 738 và 504. Riêng thửa đất thu hồi để làm đường cao tốc đã được phân chia xong, ông không có yêu cầu gì.

Nay ông yêu cầu chia di sản do cha mẹ để lại và được nhận di sản bằng hiện vật.

2. *Bị đơn là ông Đỗ L và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là anh Đỗ Văn T1 trình bày:*

Quan hệ nhân thân như ông Đỗ Văn T trình bày là đúng.

Khi ông bà nội còn sống được nhà nước cân đối giao quyền sử dụng hai thửa đất trồng lúa như ông T trình bày. Riêng đối với thửa đất ở và nhà ở của ông bà nội ông hiện do ông Đỗ Văn T đang ở (thửa đất số 158, tờ bản đồ số 6, bản đồ 1997 xã H). Khoảng năm 1983, ông bà nội vì không ở được với ông T nên mới về ở với cha mẹ anh là ông Đỗ L và bà Nguyễn Thị L1. Thửa đất mà cha mẹ anh hiện đang ở có nguồn gốc là do cha mẹ anh ra riêng, tự tạo lập năm 1961. Đến năm 1963, chiến tranh xảy ra, giặc đốt phá nhà, cha mẹ anh có xây một ngôi nhà phía Tây thửa đất. Đến năm 1965, giặc lại đốt nhà, cha mẹ anh tiếp tục xây một ngôi nhà (vào năm 1971) giữa vườn. Đến năm 1972, giặc đốt nhà, cha mẹ anh

sửa chữa nhà. Vì con đông và có ông bà nội sang ở, cha mẹ anh xây tiếp một ngôi nhà vào năm 1983 giáp mặt đường như hiện nay.

Vì nhà xuống cấp, nhà nước có hỗ trợ xây lại nhà với số tiền là 4.000.000 đồng. Cha mẹ có bỏ thêm 15.000.000 đồng để sửa chữa lại ngôi nhà được xây năm 1971. Hiện tại, anh Đỗ Văn Q đang ở trên ngôi nhà này.

Hai ngôi nhà do cha mẹ anh xây dựng và sửa chữa nằm trên hai thửa đất 173 và 174, tờ bản đồ số 6 (bản đồ 1997) xã H.

Hai thửa đất lúa chia cho ông T và cha mẹ anh canh tác. Riêng thửa đất giao cho cha mẹ anh trúng vào đường cao tốc, tiền bồi thường đã được chia cho các đồng thừa kế của ông bà nội.

Thửa đất lúa còn lại của ông bà nội đã giao cho ông T canh tác; còn thửa đất hiện tại có nhà ở của cha mẹ anh (vợ chồng ông Đỗ L) là thửa đất của cha mẹ anh, không đồng ý với yêu cầu chia thừa kế của ông T. Cha mẹ anh ở liên tục trên đất, không tặng cho gì về thửa đất này cho ông bà nội.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Đỗ Thị C trình bày:

Quan hệ nhân thân như ông T trình bày là đúng. Phần đất lúa trúng đường cao tốc đã được chia, bà không có ý kiến gì. Cha mẹ bà ở chung với ông Đỗ Lục T5 trước năm 1993 nên cũng được nhà nước cân đối giao quyền sử dụng đất vì là thành viên trong hộ.

Mẹ bà là thương binh nên được nhà nước hỗ trợ 4.000.000 đồng để xây dựng một ngôi nhà mới cho mẹ bà ở, không phải như trình bày của anh T1 là dùng tiền nhà nước hỗ trợ để sửa chữa lại ngôi nhà cũ của ông L.

Cha mẹ bà chết không để lại di chúc.

Nay ông Đỗ Văn T yêu cầu chia di sản thừa kế do cha mẹ để lại, bà đồng ý chia. Phần của bà được nhận, bà yêu cầu được nhận bằng hiện vật. Riêng thửa ruộng thì bà yêu cầu được nhận bằng tiền.

Tại phiên tòa, bà không có tranh chấp đối với 4.000.000 đồng, thửa ruộng còn lại giao cho ông Đỗ Văn T trọn quyền sử dụng, thửa đất có nhà ở của cha mẹ đồng ý chia thừa kế theo VN-2000 của ông Đỗ Văn T.

4. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Đỗ Thị H trình bày:

Quan hệ nhân thân như ông T trình bày là đúng. Phần đất lúa trúng đường cao tốc đã được chia, bà không có ý kiến gì. Trước đây cha mẹ bà ở với ông Đỗ Văn T. Đến năm 1983, cha mẹ bà xuống ở với ông Đỗ L và ở trên ngôi nhà được cất từ chiến tranh. Đến năm 1999, cha bà chết. Cha mẹ bà xuống ở chung đất với ông L nhưng xây dựng nhà ở riêng. Sau đó, nhà nước hỗ trợ 4.000.000 đồng để xây dựng nhà vào năm 2002. Mẹ bà ở trong ngôi nhà này đến 2007 thì chết. Nay ông Đỗ Văn T yêu cầu chia di sản thừa kế do cha mẹ để lại, bà đồng ý chia. Phần của bà được nhận, bà yêu cầu được nhận bằng hiện vật. Riêng thửa ruộng thì bà yêu cầu được nhận bằng tiền.

Tại phiên tòa, bà không có tranh chấp đối với 4.000.000 đồng, thừa ruộng còn lại giao cho ông Đỗ Văn T trọn quyền sử dụng, thừa đất có nhà ở của cha mẹ đồng ý chia thừa kế theo VN-2000 của ông Đỗ Văn T.

5. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Đỗ Thị T2 vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình tố tụng bà Đỗ Thị T2 trình bày:

Về quan hệ nhân thân như ông Đỗ Văn T trình bày. Về yêu cầu chia di sản của cha mẹ để lại, bà có ý kiến như sau:

Thửa đất số 664, tờ bản đồ số 5 đã được nhà nước bồi thường xong, bà không có tranh chấp.

Thửa đất số 141, tờ bản đồ số 6 giao cho ông Đỗ Văn T.

Thửa đất số 173, tờ bản đồ số 6, hiện tại anh Đỗ Văn Q đang ở và thờ cúng cha mẹ bà nên bà từ chối nhận và giao cho anh Đỗ Văn Q trọn quyền sử dụng.

Bà từ chối nhận là vì tình cảm gia đình chứ không phải trốn tránh nghĩa vụ đối với bên thứ 3.

Bà xin vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc cũng như các phiên tòa.

6. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Đỗ Văn Q trình bày:

Năm 2004, anh chuẩn bị có vợ thì gia đình có làm nhà trên đất của cha anh là ông Đỗ L, cũng tại thời điểm này nhà nước hỗ trợ cho bà nội anh 4.000.000 đồng để sửa chữa lại nhà vì bà nội anh là thương binh. Bà nội anh góp 4.000.000 đồng với anh để xây dựng nhà như hiện nay. Bà nội anh ở với anh được khoảng 2 năm thì bà nội anh chết và anh thờ cúng bà nội từ đó cho đến nay. Ngôi nhà anh đang ở cũng đã xuống cấp, hiện tại không thể ở được nữa. Nay các cô chú có tranh chấp đối với 4.000.000 đồng này thì cũng không còn, anh không đồng ý. Anh xin vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc và tất cả các phiên tòa.

7. Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 214/2025/DS-ST ngày 21-5-2025 của Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định đã quyết định:

Căn cứ khoản 9 Điều 26; các Điều 35, 227, 244 và 278 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 609, 611, 613, 620, 623, 649 và 651 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ các Điều 26 và 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn T về việc chia thừa kế theo pháp luật đối với thửa đất số 141, tờ bản đồ số 1 (bản đồ năm 1997) xã H. Giao cho ông Đỗ Văn T trọn quyền sử dụng thửa đất số 141, tờ bản đồ số 1, xã H có kích thước và giới cận như sau:

- Đông giáp nương nước dài: 6,37m; 9,52m; 11,81m; 4,1m; 11,54m;
- Tây giáp nương nước dài: 21,55m; 4,3m; 4,85m; 0,8m; 9,41m; 10,13m;
- Nam giáp nương nước dài: 8,97m; 11,39m; 0,17m;

- Bắc giáp thửa đất số 480 dài: 13,12m.

Diện tích: 828,1m² loại đất lúa (Có sơ đồ chi tiết kèm theo).

Buộc ông Đỗ Văn T thôi trả ông Đỗ L 11.260.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu chia di sản thừa kế của hai cụ Đỗ X, Lê Thị T3 đối với thửa đất số 173, tờ bản đồ số 6 (bản đồ năm 1997) xã H cấp đổi theo VN-2000 của ông Đỗ Văn T. Yêu cầu này của ông Đỗ Văn T sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ án dân sự khác khi những người trong hàng thừa kế thứ nhất của hai cụ Đỗ X, Lê Thị T3 có yêu cầu và xác định đúng di sản này của hai cụ.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên quyết định về lãi chậm thực hiện nghĩa vụ; chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và quyền kháng cáo của các đương sự.

8. Kháng cáo:

Ngày 24-5-2025, nguyên đơn là ông Đỗ Văn T có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết lại vụ án; chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất theo bản đồ địa chính VN-2000 đối với thửa đất số 173, tờ bản đồ số 6.

Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo bản án.

9. Kháng nghị:

Ngày 03-6-2025, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định (Nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Gia Lai) kháng nghị một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 214/2025/DS-ST ngày 21-5-2025 của Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 6 - Gia Lai); đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy một phần Bản án dân sự sơ thẩm, giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân khu vực 6 - Gia Lai giải quyết lại phần yêu cầu chia di sản thừa kế là thửa đất số 173, tờ bản đồ số 6 (bản đồ năm 1997) của ông Đỗ Văn T.

10. Tại phiên toà phúc thẩm:

- Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện và giữ nguyên nội dung kháng cáo.
- Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.
- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử phúc thẩm, người tham gia tố tụng bảo đảm theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của ông Đỗ Văn T; chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Gia Lai; căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, hủy một phần bản án dân sự sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Bà Đỗ Thị T2 và anh Đỗ Văn Q có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên theo quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[2] Xét kháng cáo của ông Đỗ Văn T và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Gia Lai:

Thực hiện Nghị định số 64/CP ngày 27-9-1993 của Chính phủ về việc ban hành bản Quy định về việc giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích sản xuất nông nghiệp.

Ngày 10-9-1996, cụ Đỗ X có đơn xin đăng ký quyền sử dụng ruộng đất tại 3 thửa đất; trong đó có thửa đất số 173, tờ bản đồ số 6 (bản đồ năm 1997), xã H, diện tích 2616m² (gồm 200m² đất ở và 2416m² đất vườn); theo Quyết định số 435/QĐ.UB ngày 07-8-1996, Ủy ban nhân dân huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Số vào sổ cấp GCN 01040 ngày 16-8-1996) cho hộ cụ Đỗ X; thửa đất có giới cận: Phía Đông giáp thửa đất số 174 (của ông Đỗ L), phía Tây giáp thửa đất số 172.

Ông Đỗ L có đơn xin đăng ký quyền sử dụng ruộng đất (không đề ngày) tại các thửa đất; trong đó có thửa đất số 174, tờ bản đồ số 6 (bản đồ năm 1997), xã H, diện tích 2752m² (gồm 200m² đất ở và 2552m² đất vườn); ngày 25-01-1997, Ủy ban nhân dân huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C 541158 (Số vào sổ cấp GCN 01631 QSDĐ/A3) cho hộ ông Đỗ L; thửa đất có giới cận: Phía Đông giáp đường giao thông số 2, phía Tây giáp thửa đất số 173.

Khi đo đạc lập bản đồ địa chính theo hệ tọa độ quốc gia (bản đồ VN-2000); ngày 05-6-2008, hộ ông Đỗ L có đơn xin cấp lại, cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 174, tờ bản đồ số 6 (bản đồ năm 1997), theo bản đồ hệ tọa độ quốc gia VN-2000 thành thửa đất số 515, tờ bản đồ số 11. Ngày 25-7-2008, Ủy ban nhân dân huyện H cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 397442, số vào sổ cấp giấy chứng nhận H05942 đối với thửa đất số 515, tờ bản đồ số 11, diện tích 2772m² (gồm 200m² đất ở và 2572m² đất trồng cây lâu năm) cho hộ ông Đỗ Lục . Thửa đất số 515 có giới cận: Phía Đông giáp đường giao thông, phía Tây giáp thửa đất số 172 (bản đồ năm 1997) nay là thửa đất số 501 (bản đồ VN-2000), phía Nam giáp thửa đất số 173 (bản đồ năm 1997) nay là thửa đất số 738 (bản đồ VN-2000).

Thửa đất số 173, tờ bản đồ số 6 (bản đồ năm 1997) chưa cấp đổi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo bản đồ hệ tọa độ quốc gia VN-2000 cho hộ cụ Đỗ Xuân .1

Ngày 19-7-2017, ông Đỗ L và bà Nguyễn Thị L1 có đơn tự nguyện trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp đổi đối với thửa đất số 515, tờ bản đồ số 11 (bản đồ VN-2000), vì lý do Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp đổi năm 2008 không đúng nguồn gốc sử dụng đất, trên phần diện tích đất của hộ ông Đỗ Lục C1 một phần diện tích đất của hộ cụ Đỗ X và trên phần diện tích đất của hộ cụ Đỗ Xuân C2 một phần diện tích đất của hộ ông Đỗ Lục . Ngày 05-12-2017, Ủy ban nhân dân huyện H ban hành Quyết định số 10521/QĐ-UBND về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 397442 ngày 25-7-2008 đã cấp cho hộ ông Đỗ L và bà Nguyễn Thị L1. Hiện nay, ông Đỗ L và bà Nguyễn Thị L1 chưa làm thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 515.

Theo Quyết định số 435/QĐ.UB ngày 07-8-1996, Ủy ban nhân dân huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Số vào sổ cấp GCN 01040 ngày 16-8-1996) cho hộ cụ Đỗ Xuân đối V thửa đất số 173, tờ bản đồ số 6 (bản đồ năm 1997), xã H, diện tích 2616m² (trong đó có 200m² đất ở và 2416m² đất vườn). Vì vậy, có căn cứ để xác định quyền sử dụng của thửa đất số 173 là di sản của cụ Đỗ X và cụ Lê Thị T3 để lại. Việc thửa đất số 173, tờ bản đồ số 6 (bản đồ năm 1997) có được cấp đổi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo bản đồ hệ tọa độ quốc gia VN-2000 hay không, không ảnh hưởng đến yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn T về việc chia di sản thừa kế đối với quyền sử dụng của thửa đất số 173 do cụ Đỗ X và cụ Lê Thị T3 để lại.

Tòa án cấp sơ thẩm nhận định ông Đỗ Văn T chưa xác định đúng vị trí của thửa đất số 173 nên không chấp nhận yêu cầu chia di sản thừa kế đối với quyền sử dụng của thửa đất số 173 là chưa phù hợp. Tòa án cấp sơ thẩm cần phải làm rõ và yêu cầu ông Đỗ Văn T xác định vị trí, tứ cận của thửa đất số 173; sau đó đối chiếu với vị trí, tứ cận của thửa đất số 173, tờ bản đồ số 6 (bản đồ năm 1997) và vị trí, tứ cận của thửa đất số 738, tờ bản đồ số 11 (bản đồ VN-2000) (*được Tòa án đánh bút lục các số 105, 106*); từ đó mới có căn cứ để chấp nhận hoặc không chấp nhận yêu cầu chia di sản thừa kế đối với thửa đất số 173 theo vị trí mà ông Đỗ Văn T đã xác định.

Đồng thời, Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập các tài liệu, chứng cứ là hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng (Số vào sổ cấp GCN 01040 ngày 16-8-1996) cho hộ cụ Đỗ Xuân đối V thửa đất số 173, tờ bản đồ số 6 (bản đồ năm 1997) và trích lục sơ đồ thửa đất kèm theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; thu thập tờ bản đồ địa chính số 11, xã H (bản đồ VN-2000); cần làm rõ vì sao có sự khác nhau về diện tích, vị trí tứ cận của thửa đất số 173 giữa bản đồ năm 1997 và bản đồ VN-2000 thì mới giải quyết triệt để vụ án, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

Sau khi cụ Đỗ X và cụ Lê Thị T3 chết; vợ chồng ông Đỗ L, anh Đỗ Văn Q... là những người quản lý, sử dụng thửa đất số 173; vì vậy, cần xem xét công sức gìn giữ tôn tạo đối với quyền sử dụng đất khi họ có yêu cầu độc lập.

Tại Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 16-8-2024 thể hiện: “*Trên phần đất này có các tài sản thuộc sở hữu của gia đình ông Đỗ Lục G: Dừa, chuồng gà, hàng rào tấp lô bao xung quanh thửa đất*” nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ những tài sản này thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Đỗ Lục H1 của anh Đỗ Văn Q.

Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của ông Đỗ Văn T và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Gia Lai, hủy một phần bản án sơ thẩm, giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308 và khoản 2 Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn là ông Đỗ Văn T.

Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Gia Lai.

1. Hủy một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 214/2025/DS-ST ngày 21 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định (nay là Tòa án nhân dân khu vực 6 - Gia Lai) về việc không chấp nhận yêu cầu chia di sản thừa kế của hai cụ Đỗ X, Lê Thị T3 đối với thửa đất số 173, tờ bản đồ số 6 (bản đồ năm 1997) xã H cấp đổi theo VN-2000 của ông Đỗ Văn T.

2. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân khu vực 6 - Gia Lai giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

3. Về tiền tạm ứng và chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ; định giá tài sản: Sẽ được xem xét khi vụ án được giải quyết lại.

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Đỗ Văn T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Gia Lai;
- TAND khu vực 6 - Gia Lai;
- Phòng THADS khu vực 6 - Gia Lai;
- Đương sự;
- Lưu Tòa, lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Thị Thanh Huyền